| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST<br>Ngày: 15-4-2022<br>V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Anh Thực;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Ông Huỳnh Văn Hoàn;
- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tuyết N, sinh năm 2000; cư trú tại: Ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N1, sinh năm 1998; cư trú tại: Ấp A, xã MB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Tuyết N trình bày:*

Chị và anh N1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, quen nhau từ năm 2016 đến năm 2018 thì tổ chức đám cưới. Đến ngày 28-01-2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Sau đám cưới, chị và anh N1 sống bên gia đình anh N1 được 06-07 tháng thì hai bên xuống thành phố M thuê nhà trọ ở, chị đi làm công nhân còn anh N1 đi làm tư nhân

bên ngoài. Một thời gian thì anh N1 ăn chơi, không lo lắng gì cho chị và con, anh N1 còn sử dụng ma túy đá rồi thường xuyên mắng chửi, đánh đập chị rất nhiều lần, có lần bầm hết cả người phải đi bệnh viện điều trị. Lần cuối anh N1 đánh chị là khoảng tháng 01-2021 thì chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, anh N1 có đến tìm chị được vài lần trong khoảng 03-04 ngày đầu chị đi rồi sau đó hai bên không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh N1, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể nào hàn gắng được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Anh T, sinh ngày 27-10-2018. Từ khi sinh con ra chị gửi cho cha mẹ chị nuôi cho đến nay, anh N1 không quan tâm chăm sóc gì con nên nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Phạm Văn N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng anh N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Tuyết N và anh Phạm Văn N1 tranh chấp về ly hôn; anh N1 cư trú tại ấp A, xã MB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Nguyên đơn, chị Nguyễn Tuyết N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Phạm Văn N1 không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh N1, chị N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Tuyết N và anh Phạm Văn N1 là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 28-01-2019. Sau khi đám cưới vào năm 2018, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì anh N1 bắt đầu ăn chơi, sử dụng ma túy đá mà không còn quan tâm đến vợ con. Ngoài ra, anh

N1 còn đánh chị, có lần đánh gây thương tích phải nhập viện điều trị. Từ tháng 01-2021 đến nay, chị N đã bỏ về nha cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay nhưng không có biện pháp gì hàn gắng, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị N nêu, nhưng anh N1 không có ý kiến gì là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh, phía anh N1 cũng không đến Tòa để hàn gắng tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy anh N1 không còn quan tâm đến hôn nhân với chị N. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và *"vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị N và anh N1 đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Anh T, sinh ngày 27-10-2018. Theo chị N thì từ khi sinh ra đến nay, con chung do chị và gia đình chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh N1 không quan tâm chăm sóc nên nay yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng. Phía anh N1 không có ý kiến gì về việc chị N giành quyền nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp, chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nên chưa xét đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh N1 đều không yêu cầu, có ý kiến gì về phần này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết N là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết N. Cho chị Nguyễn Tuyết N được ly hôn với anh Phạm Văn N1.

2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Anh T, sinh ngày 27-10-2018 cho chị Nguyễn Tuyết N là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Phạm Văn N1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa yêu cầu. Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001436 ngày 23-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Tuyết N, anh Phạm Văn N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã MB, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Anh Thực**